

BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN TUYỂN SINH NĂNG KHIẾU HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

ThS. Trần Ngọc Hùng
Trường Đại học An Giang

Tóm tắt: Nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc tuyển sinh hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất ở trường Đại học An Giang, kết quả nghiên cứu đã xây dựng nội dung tuyển sinh hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất ở trường Đại học An Giang với 1 test về hình thái và 3 test về thể lực đảm bảo độ tin cậy và tính thông báo. Thông qua các phương pháp nghiên cứu thường quy, bài viết đã đưa ra được thang điểm tuyển sinh hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất ở trường Đại học An Giang.

Từ khóa: Nội dung, tiêu chuẩn, tuyển sinh, giáo dục thể chất, sinh viên, Đại học An Giang.

Abstract: To meet the requirements of talent recruiting the College of Physical Education at An Giang University, the project has been built the content of college enrollment in physical education at An Giang University with a morphology test and three physical tests to ensure reliability and representativeness. Through the method of pedagogical the article have been issued to the enrollment system of the College of Physical Education at An Giang University.

Keywords: Content, standards, admissions, physical education, students, An Giang University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể dục thể thao (TDTT) là một bộ phận không thể thiếu được trong nền giáo dục xã hội chủ nghĩa nhằm đào tạo và xây dựng con người mới phát triển toàn diện. TDTT góp phần nâng cao sức khỏe cho mọi người dân. Sức khỏe vốn quý nhất của con người, có sức khỏe thì làm việc gì cũng không thấy khó. Mặt khác TDTT còn nâng cao vị trí của một đất nước trên thế giới, mang lại tính đoàn kết và sự hiểu biết giữa các dân tộc... Vì vậy, bất cứ quốc gia nào dù nhỏ hay lớn, dù giàu hay nghèo... cũng đều chú trọng đến sự nghiệp phát triển TDTT.

Công tác GDTC và hoạt động TDTT trong trường học các cấp là một mặt giáo dục quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện mục tiêu: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 có quy định “Chế độ GDTC bắt buộc trong trường học”.

Thực trạng công tác giáo dục thể chất trong các trường đại học, cao đẳng còn gặp nhiều khó khăn. Tuy hiện nay hầu hết các trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình cải tiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, song chất lượng giảng dạy chưa cao do điều kiện sân bãi phục vụ cho giảng dạy chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện thêm của các em.

Trước tình hình trên nhằm đào tạo và tăng cường xây dựng lực lượng nhà giáo nói chung và lực lượng giảng dạy GDTC nói riêng Trường Đại học An Giang đã đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo mở hệ cao đẳng chuyên ngành giáo dục thể chất và đã được Bộ đồng ý.

Hiện nay, trường đã tuyển sinh khóa đầu tiên và để đạt được hiệu quả tốt trong việc tuyển chọn cần có một tiêu chuẩn phù hợp với thí sinh thi tuyển đầu vào hệ cao đẳng chuyên ngành TDTT ở trường Đại học An Giang. Do đó, việc nghiên cứu nội dung tiêu chuẩn tuyển sinh phần năng khiếu hệ Cao đẳng chuyên ngành giáo dục thể chất ở trường Đại học An Giang là việc làm mang tính cấp thiết.

Trong quá trình nghiên cứu có sử dụng phương pháp đọc, tổng hợp và phân tích tài liệu; phương pháp phỏng vấn tọa đàm; phương pháp kiểm tra sự phạm; phương pháp nhân trắc học và phương pháp toán học thống kê.

Bảng 1. Phỏng vấn lựa chọn tiêu chí tuyển sinh năng khiếu

Test	Số phiếu phát ra	Ý kiến phỏng vấn			
		Đồng ý	%	Không đồng ý	%
Sức nhanh					
Chạy 30m xuất phát có bàn đạp	30	3	10	27	90
Chạy 30m giữa quãng, xuất phát cao	30	23	76,7	7	23,3
Chạy 60m xuất phát có bàn đạp	30	2	6,7	28	93,3
Chạy 60m giữa quãng, xuất phát cao	30	2	6,7	28	93,3
Sức mạnh					
Bật xa tại chỗ	30	25	83,3	5	16,7
Bật cao tại chỗ	30	4	13,3	26	86,7
Nằm ngửa gập bụng	30	0	0	30	100
Lực bóp tay thuận	30	1	3,3	20	96,7
Sức bền					
Chạy 1.500m nam	30	12	40	18	60
Chạy 800m nữ	30	12	40	18	60
Chạy test Cooper	30	6	20	24	80
Chạy tùy sức 5 phút	30	11	36,7	19	63,3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Xây dựng tiêu chí tuyển sinh phần năng khiếu cho hệ Cao đẳng chuyên ngành giáo dục thể chất ở trường Đại học An Giang

Để xây dựng nội dung tuyển sinh hệ Cao đẳng chuyên ngành GDTC cho trường Đại học An Giang chúng tôi tiến hành gửi phiếu phỏng vấn và phỏng vấn trực tiếp một số giáo viên và cán bộ phòng Đào tạo của một số trường Cao đẳng và Đại học có mở ngành GDTC để từ đó chọn ra các test tuyển chọn phù hợp, được đa số các trường thường sử dụng trong công tác tuyển sinh chuyên ngành giáo dục thể chất để từ đó đưa ra được một nội dung hoàn chỉnh nhất.

Mềm dẻo					
Độ dẻo cột sống (ngồi gập thân)	30	25	83,3	5	16,7
Nhảy dây 2 phút	30	0	0	30	100
Độ dẻo cột sống (đứng gập thân)	30	3	10	27	90
Chạy luôn cọc 20m	30	2	6,7	28	93,3
Hình thái					
Chiều cao đứng	30	30	100	0	0
Cân nặng	30	12	40	18	60
Vòng ngực hít vào	30	0	0	30	100
Vòng ngực thở ra	30	0	0	30	100
Chiều cao ngồi	30	6	20	14	80

Tóm lại: Qua phỏng vấn lấy ý kiến về tiêu chí tuyển sinh với 21 test đã chọn ra được 4 test để làm nội dung tuyển sinh hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất ở trường Đại học An Giang như sau:

1. Chiều cao (cm).
2. Chạy 30m tốc độ cao (giữa quãng, xuất phát cao);

3. Bật xa tại chỗ;

2.1. Thang điểm chấm các tổ chức thể lực:

Bảng 2. Thang điểm tuyển chọn thể lực hệ Cao đẳng chuyên ngành GDTC trường Đại học An Giang

Nam			Điểm	Nữ		
Chạy 30m	Bật xa	Dẻo ngồi		Chạy 30m	Bật xa	Dẻo ngồi
3''33 - 3''30	2,86 - 2,90	30,11 - 30,60	10	3''79 - 3''70	2,32 - 2,36	26,1 - 27
3''37 - 3''34	2,81 - 2,85	28,61 - 30,10	9,5	3''89 - 3''80	2,27 - 2,31	25,1 - 26
3''41 - 3''38	2,76 - 2,80	27,11 - 28,60	9	3''99 - 3''90	2,22 - 2,26	24,1 - 25
3''45 - 3''42	2,71 - 2,75	25,61 - 27,10	8,5	4''09 - 4''00	2,17 - 2,21	23,1 - 24
3''49 - 3''46	2,66 - 2,70	24,11 - 25,60	8	4''19 - 4''10	2,12 - 2,16	22,1 - 23
3''53 - 3''50	2,61 - 2,65	22,61 - 24,10	7,5	4''29 - 4''20	2,07 - 2,11	21,1 - 22
3''57 - 3''54	2,56 - 2,60	21,11 - 22,60	7	4''39 - 4''30	2,02 - 2,06	20,1 - 21
3''61 - 3''58	2,51 - 2,55	19,61 - 21,10	6,5	4''49 - 4''40	1,97 - 2,01	19,1 - 20
3''59 - 3''62	2,46 - 2,50	18,11 - 19,60	6	4''59 - 4''50	1,92 - 1,96	18,1 - 19
3''63 - 3''66	2,41 - 2,45	16,61 - 18,10	5,5	4''69 - 4''60	1,87 - 1,91	17,1 - 18

4. Độ dẻo cột sống (tư thế ngồi).

2. Lập thang điểm tuyển sinh đầu vào hệ cao đẳng chuyên ngành giáo dục thể chất ở trường Đại Học An Giang

Dựa trên kết quả đạt được của các thí sinh thi đầu vào hệ cao đẳng chuyên ngành giáo dục thể chất, chúng tôi tiến hành lập thang điểm của từng nội dung, cụ thể như sau:

3''67 - 3''70	2,36 - 2,40	15,11 - 16,60	5	4''79 - 4''70	1,82 - 1,86	16,1 - 17
3''71 - 3''74	2,31 - 2,35	13,61 - 15,10	4,5	4''89 - 4''80	1,77 - 1,81	15,1 - 16
3''75 - 3''78	2,26 - 2,30	12,11 - 13,60	4	4''99 - 4''90	1,72 - 1,76	14,1 - 15
3''79 - 3''82	2,21 - 2,25	10,61 - 12,10	3,5	5''09 - 5''00	1,67 - 1,71	13,1 - 14
3''83 - 3''86	2,16 - 2,20	8,11 - 10,60	3	5''19 - 5''10	1,62 - 1,66	12,1 - 13
3''87 - 3''90	2,11 - 2,15	6,61 - 8,10	2,5	5''29 - 5''20	1,57 - 1,61	11,1 - 12
3''91 - 3''94	2,06 - 2,10	5,11 - 6,60	2	5''39 - 5''30	1,52 - 1,56	10,1 - 11
3''95 - 3''98	2,01 - 2,05	3,61 - 5,10	1,5	5''49 - 5''40	1,47 - 1,51	9,1 - 10
3''99 - 4''02	1,96 - 2,00	2,11 - 3,60	1	5''59 - 5''50	1,42 - 1,46	8,1 - 9
4''03 - 4''06	1,91 - 1,95	0,61 - 2,10	0,5	5''69 - 5''60	1,37 - 1,41	7,1 - 8
4''07 >	1,90 <	0,60 <	0	5''70 >	1,36 <	7 <

2.2. Thang điểm hình thái:

Bảng 3. Thang điểm chấm chiều cao

Nam (m)	Điểm	Nữ (m)
1,79	10,0	1,730
1,78	9,5	1,715
1,77	9,0	1,700
1,76	8,5	1,685
1,75	8,0	1,670
1,74	7,5	1,655
1,73	7,0	1,640
1,72	6,5	1,625
1,71	6,0	1,610
1,70	5,5	1,595
1,69	5,0	1,580
1,68	4,5	1,565
1,67	4,0	1,550
1,66	3,5	1,535
1,65	3,0	1,520
1,64	2,5	1,505
1,63	2,0	1,490
1,62	1,5	1,475
1,61	1,0	1,460
1,60	0,5	1,445
1,59	0,0	1,300

Sau khi đã có thang điểm chúng tôi so sánh thang điểm vừa mới nghiên cứu với thang điểm tuyển sinh chuyên ngành giáo dục thể chất của hai trường Đại học Sư phạm TDTT TP. Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ và Đại học Đồng Tháp

kết quả cho thấy sự chênh lệch về thang điểm mới nghiên cứu là phù hợp, không có sự chênh lệch lớn về thành tích và điểm chấm chọn, cụ thể như sau:

Bảng 4. So sánh chạy 30m tốc độ cao với trường Đại học Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh

Nam Đại học Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh	Nam Đại học An Giang	Điểm	Nữ Đại học Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh	Nữ Đại học An Giang
3"10	3"33 - 3"30	10,0	3"57	3"79 - 3"70
3"16 - 3"14	3"37 - 3"34	9,5	3"67 - 3"63	3"89 - 3"80
3"22 - 3"20	3"41 - 3"38	9,0	3"76 - 3"73	3"99 - 3"90
3"27 - 3"25	3"45 - 3"42	8,5	3"86 - 3"82	4"09 - 4"00
3"33 - 3"31	3"49 - 3"46	8,0	3"96 - 3"92	4"19 - 4"10
3"39 - 3"37	3"53 - 3"50	7,5	4"06 - 4"02	4"29 - 4"20
3"44 - 3"43	3"57 - 3"54	7,0	4"16 - 4"12	4"39 - 4"30
3"50 - 3"48	3"61 - 3"58	6,5	4"26 - 4"22	4"49 - 4"40
3"56 - 3"54	3"59 - 3"62	6,0	4"36 - 4"32	4"59 - 4"50
3"61 - 3"60	3"63 - 3"66	5,5	4"46 - 4"42	4"69 - 4"60
3"67 - 3"65	3"67 - 3"70	5,0	4"55 - 4"52	4"79 - 4"70
3"73 - 3"71	3"71 - 3"74	4,5	4"65 - 4"61	4"89 - 4"80
3"79 - 3"77	3"75 - 3"78	4,0	4"75 - 4"71	4"99 - 4"90
3"84 - 3"82	3"79 - 3"82	3,5	4"85 - 4"81	5"09 - 5"00
3"90 - 3"88	3"83 - 3"86	3,0	4"95 - 4"91	5"19 - 5"10
3"96 - 3"94	3"87 - 3"90	2,5	5"05 - 5"01	5"29 - 5"20
4"01 - 4"00	3"91 - 3"94	2,0	5"15 - 5"11	5"39 - 5"30
4"07 - 4"05	3"95 - 3"98	1,5	5"25 - 5"21	5"49 - 5"40
4"13 - 4"11	3"99 - 4"02	1,0	5"34 - 5"31	5"59 - 5"50
4"18 - 4"17	4"03 - 4"06	0,5	5"44 - 5"40	5"69 - 5"60
4"24 - 4"22	4"07 >	0,0	5"54 - 5"50	5"70 >

Thông qua Bảng 4 ta thấy: Thang điểm nam chạy 30m tốc độ cao ở điểm 5 của Trường ĐHSP TĐTT TP Hồ Chí Minh cao hơn của trường ĐHAG là 3''65 và 3''67 là không đáng kể; ở điểm 10 của trường ĐHSP TĐTT TP Hồ Chí Minh cao hơn của trường ĐHAG là 3''14 và 3''34.

Thang điểm nữ chạy 30m tốc độ cao ở điểm 5 của Trường ĐHSP TĐTT TP Hồ Chí Minh cao

hơn của trường ĐHAG là 4''52 và 4''70; ở điểm 10 của trường ĐHSP TĐTT TP Hồ Chí Minh cao hơn của trường ĐHAG là 3''57 và 3''70.

Điều này cho thấy tố chất nhanh của thí sinh thi đầu vào hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất của trường Đại học An Giang là phù hợp với thực tế. Vì trường ĐHSP TĐTT TP Hồ Chí Minh là trường chuyên nên thang điểm sẽ trội hơn.

Bảng 5. So sánh thang điểm gập dẻo với trường ĐH Cần Thơ

Nam			Nữ	
Trường ĐHCT	Trường ĐHAG	Điểm	Trường ĐHCT	Trường ĐHAG
≥ 29	30,11 - 30,60	10,0	28	26,1 - 27
28	28,61 - 30,10	9,5	27	25,1 - 26
27	27,11 - 28,60	9,0	26	24,1 - 25
26	25,61 - 27,10	8,5	25	23,1 - 24
25	24,11 - 25,60	8,0	24	22,1 - 23
24	22,61 - 24,10	7,5	23	21,1 - 22
23	21,11 - 22,60	7,0	22	20,1 - 21
22	19,61 - 21,10	6,5	21	19,1 - 20
21	18,11 - 19,60	6,0	20	18,1 - 19
20	16,61 - 18,10	5,5	19	17,1 - 18
19	15,11 - 16,60	5,0	18	16,1 - 17
18	13,61 - 15,10	4,5	17	15,1 - 16
17	12,11 - 13,60	4,0	16	14,1 - 15
16	10,61 - 12,10	3,5	15	13,1 - 14
15	8,11 - 10,60	3,0	14	12,1 - 13
14	6,61 - 8,10	2,5	13	11,1 - 12
13	5,11 - 6,60	2,0	12	10,1 - 11
12	3,61 - 5,10	1,5	11	9,1 - 10
11	2,11 - 3,60	1,0	10	8,1 - 9
10	0,61 - 2,10	0,5	9	7,1 - 8
9	0,60 <	0,0	8	7 <

Thông qua Bảng 5 ta thấy thang điểm chầm gập dẻo của Đại học An Giang thấp hơn trường Đại học Cần Thơ là không đáng kể (16,6cm với

19cm của nam và 17cm với 18cm của nữ). Điều đó cho thấy độ dẻo của thí sinh thi đầu vào của hệ cao đẳng chuyên ngành GDTC của trường Đại học An Giang là khá tốt.

Bảng 6. So sánh bật xa tại chỗ với trường Đại học Cần Thơ

Nam		Điểm	Nữ	
Đại học CT	Đại học AG		Đại học CT	Đại học AG
275	2,86 - 2,90	10,0	214	2,32 - 2,36
270	2,81 - 2,85	9,5	210	2,27 - 2,31
265	2,76 - 2,80	9,0	206	2,22 - 2,26
260	2,71 - 2,75	8,5	202	2,17 - 2,21
255	2,66 - 2,70	8,0	198	2,12 - 2,16
250	2,61 - 2,65	7,5	194	2,07 - 2,11
245	2,56 - 2,60	7,0	190	2,02 - 2,06
240	2,51 - 2,55	6,5	186	1,97 - 2,01
235	2,46 - 2,50	6,0	182	1,92 - 1,96
230	2,41 - 2,45	5,5	178	1,87 - 1,91
225	2,36 - 2,40	5,0	174	1,82 - 1,86
220	2,31 - 2,35	4,5	170	1,77 - 1,81
215	2,26 - 2,30	4,0	166	1,72 - 1,76
210	2,21 - 2,25	3,5	162	1,67 - 1,71
205	2,16 - 2,20	3,0	158	1,62 - 1,66
200	2,11 - 2,15	2,5	154	1,57 - 1,61
195	2,06 - 2,10	2,0	150	1,52 - 1,56
190	2,01 - 2,05	1,5	146	1,47 - 1,51
185	1,96 - 2,00	1,0	142	1,42 - 1,46
180	1,91 - 1,95	0,5	138	1,37 - 1,41
175	1,90 <	0,0	134	1,36 <

Thông qua Bảng 6 ta thấy Bảng điểm chấm sức mạnh thông qua bật xa tại chỗ của trường đại học An Giang cao hơn của trường Đại học Cần Thơ điều đó cho thấy thực tế thí sinh thi

đầu vào hệ Cao đẳng chuyên ngành GDTC của trường Đại học An Giang có sức mạnh nói chung và bật xa tại chỗ nói riêng là tốt.

Bảng 7. So sánh hình thái với trường Đại học Đồng Tháp

Nam (m)		Điểm	Nữ (m)	
Đại học CT	Đại học AG		Đại học CT	Đại học AG
1,750	1,79	10,0	1,740	1,730
1,744	1,78	9,5	1,731	1,715
1,738	1,77	9,0	1,722	1,700
1,732	1,76	8,5	1,713	1,685

1,726	1,75	8,0	1,704	1,670
1,720	1,74	7,5	1,695	1,655
1,714	1,73	7,0	1,686	1,640
1,708	1,72	6,5	1,677	1,625
1,702	1,71	6,0	1,668	1,610
1,696	1,70	5,5	1,659	1,595
1,690	1,69	5,0	1,650	1,580
1,684	1,68	4,5	1,641	1,565
1,678	1,67	4,0	1,632	1,550
1,672	1,66	3,5	1,623	1,535
1,666	1,65	3,0	1,614	1,520
1,660	1,64	2,5	1,605	1,505
1,654	1,63	2,0	1,596	1,490
1,648	1,62	1,5	1,587	1,475
1,642	1,61	1,0	1,578	1,460
1,638	1,60	0,5	1,569	1,445
1,632	1,59	0,0	1,590	1,300

Thông qua Bảng 7 ta thấy:

Ở thang điểm chấm chiều cao nam của hai trường ở điểm 5 thì hai trường ngang nhau, nhưng ở điểm 10 thì trường Đại học An Giang cao hơn trường Đại học Đồng Tháp. Điều này cho thấy chiều cao sinh viên nam thi đầu vào hệ Cao đẳng chuyên ngành GDTC của trường Đại học An Giang là tốt.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu, bài viết rút ra các kết luận sau đây:

- Lựa chọn các test tuyển sinh phần năng khiếu hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học An Giang, bao gồm 4 chỉ tiêu sau: Chiều cao đứng (m), Chạy 30m tốc độ cao (s); Bật xa tại chỗ (cm); Độ dẻo ngồi (cm).

- Xây dựng được thang điểm tuyển sinh đầu vào phần thực hành cho hệ Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục thể chất trường Đại học An Giang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 931/RLTC ngày 29 tháng 4 năm 1993 về việc ban hành qui chế về công tác giáo dục thể chất trong nhà trường các cấp.*
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 11/TT GD-ĐT ngày 01 tháng 08 năm 1994 về công tác TDTT trong giai đoạn mới đối với ngành GDTC.*
- [3] Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2014), *“Lý luận thể thao thành tích cao”*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Ngọc Cừ (1997), *“Khoa học tuyển chọn tài năng thể thao”*, Tài liệu dùng cho lớp bồi dưỡng nghiệp vụ HLV các môn thể thao, Hà Nội.

- [5] Trịnh Trung Hiếu, (2001) “*Lý luận và phương pháp Giáo dục TDTT trong nhà trường*”, NXB TDTT, Hà Nội.
- [6] Lê Văn Lắm, (2007), “*Giáo trình đo lường thể thao*”, NXB TDTT, Hà Nội.
- [7] Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Ngọc, (2000), “*Tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện trong tuyển chọn và huấn luyện thể thao*”, NXB TDTT, Hà Nội.
- [8] Đỗ Văn Thắng, Phan Thành Nhân (2014), “*Giáo trình phân tích dữ liệu phần mềm SPSS*”; NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
- [9] Nguyễn Thanh Tùng, Dương Mạnh Thắng, Nguyễn Thị Hùng, Giao Thị Kim Đông (2017), “*Giáo trình Đo lường thể thao*”, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Đức Văn (2008), “*Phương pháp thống kê trong TDTT*”, NXB TDTT, Hà Nội.